

# HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015 VỀ NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

## COMPLETING THE PROVISIONS OF THE 2015 CIVIL PROCEDURE CODE ON DEFENDERS OF THE LEGAL RIGHTS AND INTERESTS OF THE LITIGANTS

*Trần Phương Thảo\**  
*Đinh Thị Hằng†*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/10/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/04/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/04/2022

**Tóm tắt:** Bài viết này nghiên cứu các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, tham khảo thực tiễn áp dụng, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của chủ thể này khi tham gia tố tụng dân sự.

**Từ khóa:** tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

**Abstract:** This article researches Civil Procedure Code's regulations in 2015 of the defenders of the legal rights and interests of the person concerned in civil procedure and references from practices of legal application, hereby makes several recommendations to improve the current law on the basis of improving this subject's effectiveness in civil proceedings.

**Keywords:** civil procedure, Civil Procedure Code, defenders of legal rights and interests of the litigants.

### **I. Đặt vấn đề**

Ở Việt Nam, trong suốt quá trình đổi mới, cải cách tư pháp, Đảng và nhà nước ta luôn ưu tiên, đặt mục tiêu bảo vệ, bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền,

lợi ích dân sự lên hàng đầu. Trong công tác lập pháp, bảo vệ quyền con người, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được quán triệt là nguyên tắc cơ bản trong Hiến pháp, là tư tưởng chỉ đạo xây

---

\* Trường Đại học Luật Hà Nội

† Khoa Luật - Trường Đại học Mở Hà Nội

dựng các văn bản pháp luật liên quan<sup>‡</sup>. Bộ luật tố tụng dân sự Việt nam năm 2015 (BLTTDS) cũng được xây dựng theo tinh thần đó. Minh chứng rõ nhất cho điều này là BLTTDS đã có quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 9 “Bảo đảm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự”, theo đó “Đương sự có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ luật sư hay người khác có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật này bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình”. Cụ thể hóa nguyên tắc này, BLTTDS đã có những quy định cụ thể hơn về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự tại Điều 75 và Điều 76. Chủ thể này tham gia tố tụng dân sự với sự am hiểu pháp luật, dùng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Vai trò của họ trong tố tụng dân sự rất quan trọng, không chỉ đối với đương sự mà còn cả đối với tòa án, đối với xã hội<sup>§</sup>. Đối với đương sự, họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trước tòa án - chủ thể mang quyền lực nhà nước, có vị trí pháp lý cao hơn. Đối với tòa án, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự sẽ giúp tòa án có cái nhìn khách quan hơn về vụ việc cần giải quyết, như vậy người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng dân sự vừa thể hiện tính dân chủ, vừa thể hiện tính pháp chế trong hoạt động giải quyết các vụ việc dân sự của nhà nước. Với vai trò quan trọng đó, việc nghiên cứu pháp luật về người bảo vệ quyền, lợi ích

hợp pháp của đương sự, đặc biệt là nghiên cứu để đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chủ thể này là rất cần thiết.

## II. Cơ sở lý thuyết

Việc pháp luật tố tụng dân sự quy định về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trước hết xuất phát từ chính nhu cầu của đương sự. Đương sự có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, tranh chấp nên họ rất cần được một chủ thể am hiểu pháp luật, có kỹ năng tham gia tố tụng để bảo vệ cho họ một cách công bằng, khách quan. Từ phía nhà nước, để quản lý xã hội, đảm bảo trật tự trong lĩnh vực dân sự thì nhà nước cần phải tạo ra một cơ chế bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo cho đương sự được che chở, bảo vệ một cách công bằng, khách quan. Vì thế, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự được tham gia tố tụng dân sự là do đương sự có yêu cầu. BLTTDS năm 2015 ghi nhận đương sự có thể nhờ người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là luật sư, là trợ giúp viên pháp lý, là đại diện của tổ chức đại diện tập thể người lao động hay là bất cứ công dân Việt Nam nào có đủ điều kiện do pháp luật quy định.

### 2.1. Khái niệm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự

Giải thích về mặt ngữ nghĩa thì “bảo vệ” tức là giữ gìn, che chở, chống lại mọi sự hủy hoại, xâm phạm để giữ

‡ Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (phối hợp thực hiện) (2015), Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam, (Sách chuyên khảo), Hà Nội, trang 13.

§ Phan Trung Hoài (2004), Vấn đề hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, trang 58.

được nguyên vẹn<sup>¶</sup>. Đặt trong mối quan hệ xã hội thì việc bảo vệ sẽ liên quan đến người bảo vệ, người được bảo vệ, người xâm phạm, trong mối quan hệ đó người bảo vệ thực hiện các hoạt động đối trọng với chủ thể xâm phạm để bảo vệ cho người được bảo vệ.

Giải thích dưới góc độ là thuật ngữ pháp lý thì người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là người tham gia tố tụng hỗ trợ đương sự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ trước tòa án<sup>\*\*</sup>. Vì quyền là điều mà nhà nước, pháp luật, xã hội đã công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi; lợi ích là điều có lợi, có ích cho một chủ thể nên quyền, lợi ích là một phạm trù vừa mang tính xã hội, vừa mang tính pháp lý rõ nét và là đối tượng được pháp luật, nhà nước, xã hội bảo vệ. Trong BLTTDS năm 2015, khoản 1 Điều 75 đã đưa ra định nghĩa khá cô đọng về chủ thể này, theo đó “Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự”. Nếu kết hợp với những giải thích đã nêu trên thì có thể hiểu cụ thể hơn: *người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là người tham gia tố tụng cùng với đương sự nhằm giữ gìn, che chở những quyền, lợi ích mà pháp luật đã ghi nhận cho đương sự, chống lại các hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự từ chủ thể khác.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng dân sự với mục đích bảo vệ quyền, lợi ích

pháp của đương sự nên họ phải là người am hiểu pháp luật, dùng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Họ giống người đại diện của đương sự là tham gia tố tụng dân sự với mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng có điểm khác biệt rõ nét là họ không được thay mặt đương sự mà họ chỉ xuất hiện bên cạnh đương sự, hỗ trợ đương sự về mặt pháp lý để đương sự tự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Nói theo một cách khác, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng dân sự bằng quyền, nghĩa vụ của mình chứ không được tham gia tố tụng bằng quyền, nghĩa vụ của đương sự giống như người đại diện.

## ***2.2. Cơ sở khoa học của việc quy định về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự***

Pháp luật về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có cơ sở hình thành từ nhu cầu của chính đương sự. Đương sự là người có quyền, lợi ích hợp pháp trong vụ việc dân sự. Quyền, lợi ích của họ bị xâm phạm nên họ cần được một chủ thể có năng lực hơn họ, bảo vệ họ một cách công bằng, khách quan. Ngoài ra, pháp luật về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự còn có cơ sở hình thành từ nhu cầu của nhà nước trong việc quản lý xã hội, bảo đảm trật tự xã hội trong lĩnh vực dân sự. Để quản lý xã hội, bảo đảm trật tự xã hội trong lĩnh vực dân sự nhà nước cần tạo ra một cơ chế pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích

¶ Viện ngôn ngữ học Việt Nam, Từ điển tiếng Việt,

\*\* Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, trang 211.

hợp pháp của công dân trong xã hội nói chung, của đương sự trong vụ việc dân sự nói chung. Một lý do khác dẫn đến việc pháp luật ghi nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự còn là do nhu cầu của một số chủ thể trong xã hội có mong muốn dùng năng lực đặc biệt của mình là am hiểu pháp luật, có tinh thần bảo vệ công bằng, công lý trong xã hội, họ muốn dùng pháp luật để bảo vệ những điều pháp luật đã ghi nhận.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể nghiên cứu một cách khoa học về vấn đề giải pháp nâng cao hiệu quả thu thập và cung cấp chứng cứ thực hiện bài viết này, các tác giả đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

#### 3.1. Phương pháp phân tích

- Phân tích nguồn tài liệu là các tạp chí, báo cáo khoa học, công trình nghiên cứu khoa học... có nghiên cứu về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Nhờ các nguồn tài liệu đó mà tác giả đã thu thập được những thông tin khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Phân tích tác giả: Các tác giả trong hay ngoài ngành, tác giả có tham gia bảo vệ hay chưa từng tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự... đều được người viết tham khảo quan điểm khoa học cũng như kết quả nghiên cứu của họ. Mỗi góc nhìn riêng của từng tác giả về vấn đề nghiên cứu đã giúp người viết có thể tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo nhiều phương diện, từ đó có cái nhìn tổng thể về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Phân tích nội dung: Phương pháp phân tích theo cấu trúc logic của nội dung

vấn đề nghiên cứu giúp người viết định hướng được các nội dung cơ bản, các vấn đề cần đề cập về đối tượng nghiên cứu là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự

#### 3.2. Phương pháp tiếp thu, kế thừa

Trong suốt quá trình nghiên cứu, tác giả bài viết này đã dựa trên cơ sở các tài liệu chứa đựng thông tin khoa học, các quan điểm khoa học của các nhà khoa học trước đó để tiếp thu, kế thừa và phát triển có chọn lọc những nội dung phù hợp của đề tài nghiên cứu.

#### 3.3. Phương pháp tổng hợp

Tác giả bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp để liên kết những mặt, những bộ phận, những mối quan hệ thông tin từ các lý thuyết đã thu thập được thành một chỉnh thể thống nhất, từ đó tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tổng hợp lý thuyết bao gồm những nội dung sau:

- Sau khi phân tích tài liệu, người viết đã phát hiện thông tin còn thiếu hoặc còn sai lệch, chưa thống nhất.

- Lựa chọn tài liệu, chọn lọc ra những thông tin khoa học cần thiết để xây dựng luận cứ về vấn đề nghiên cứu.

- Sắp xếp tài liệu theo một logic phù hợp để nhận dạng động thái; sắp xếp tài liệu theo quan hệ nhân - quả để nhận dạng tương tác.

- Làm tái hiện quy luật. Đây là bước quan trọng nhất trong nghiên cứu tài liệu. Đây cũng chính là mục đích của tiếp cận lịch sử.

- Giải thích quy luật. Công việc này đòi hỏi phải sử dụng các thao tác logic để đưa ra những phán đoán về bản chất các quy luật của sự vật hoặc hiện tượng.

#### **IV. Kết quả nghiên cứu**

##### **4.1. Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự và một số vướng mắc, bất cập**

**\* Điều kiện tham gia tố tụng dân sự của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.**

- Được đương sự yêu cầu

Vì đương sự trong tố tụng dân sự là chủ thể của quyền, lợi ích dân sự cần được bảo vệ tại tòa án nên họ có quyền tự định đoạt trong việc tự mình tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích đó hay nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích đó cho mình. Không chủ thể nào được cưỡng ép họ trong việc lựa chọn cách thức bảo vệ quyền, lợi ích của họ. Nếu họ lựa chọn cách thức nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích cho mình thì họ phải thể hiện ý chí đó thông qua hành vi yêu cầu người mà họ tin tưởng bảo vệ quyền, lợi ích cho họ. Khoản 2 Điều 75 BLTTDS thể hiện rõ điều kiện này khi quy định người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng dân sự “khi có yêu cầu của đương sự”, cụ thể là phải có văn bản thể hiện rõ yêu cầu của đương sự đối với người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp về việc giúp đương sự về mặt pháp lý.

- Được tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự

Khi đến tòa đăng ký làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người đăng ký phải mang theo các giấy tờ theo quy định để xuất trình cho tòa án như chứng minh thư hay căn cước công dân, giấy giới thiệu từ nơi mình đang làm việc, thẻ hành nghề, giấy yêu cầu của khách hàng là đương sự trong vụ việc dân sự. Sau khi tòa án nhận được các giấy tờ đó, trong thời hạn 03 ngày làm việc tòa án vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, xác nhận vào giấy yêu cầu của đương sự. Trước đây Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi năm 2011 quy định về thủ tục tòa án cấp giấy chứng nhận cho người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng. Quy định này vừa gây khó khăn cho đương sự, vừa gây khó khăn cho người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp vì họ phải phụ thuộc vào sự chấp nhận hay không của tòa án. Còn hiện nay, BLTTDS chỉ quy định về thủ tục đăng ký với tòa án, đương sự cũng như người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự không còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của tòa án. Quy định này vừa thể hiện thái độ của nhà nước tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, vừa hạn chế sự lạm quyền, không khách quan của cơ quan công quyền. Tuy nhiên cũng từ quy định này cho thấy vẫn có vướng mắc trong thực tiễn tố tụng dân sự bởi “giấy yêu cầu của khách hàng” hiện đang có những ý kiến tranh cãi. “Giấy” này được hiểu bao gồm các hình thức nào, có bắt buộc phải là bản giấy hay có thể là bản in, hay bằng các chất liệu khác như bản ghi âm, ghi hình... Thời gian gần đây khoa học công nghệ ngày càng phát triển, kết quả của khoa học công nghệ ngày càng được ứng dụng rộng rãi, vì thế nếu cứ hiểu



các quy định của pháp luật “giấy yêu cầu” này theo cách thức truyền thống thì chưa linh hoạt, chưa theo kịp với sự phát triển của đời sống xã hội. Thiết nghĩ “giấy yêu cầu” này có thể hiệu linh hoạt, miễn là thể hiện rõ ý chí của đương sự trong việc nhờ luật sư tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích cho họ.

**\* Phạm vi chủ thể được tham gia tố tụng dân sự với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự**

*- Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của Luật Luật sư*

Theo điểm a khoản 2 Điều 75 BLTTDS năm 2015, luật sư được tham gia tố tụng dân sự với tư cách người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khi đáp ứng các điều kiện do Luật luật sư quy định. Đó phải là người đã đáp ứng các điều kiện là công dân Việt Nam trung thành với tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư, có chứng chỉ hành nghề luật sư và đang tham gia một đoàn luật sư nhất định.

*- Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.*

Trợ giúp viên pháp lý là một chức danh tại Việt Nam để chỉ những người thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý. Họ đã đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện do Luật Trợ giúp pháp lý Việt Nam<sup>††</sup>, là viên chức nhà nước, làm việc tại các trung tâm

trợ giúp pháp lý nhà nước. Người tham gia trợ giúp pháp lý có thể là luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, công tác viên pháp lý. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 75, khi tham gia tố tụng họ phải thực hiện thủ tục đăng ký, tức phải xuất trình văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc thẻ luật sư. Với mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý, làm cho hoạt động này có tính chuyên nghiệp hơn nên Luật đã chuẩn hóa tiêu chuẩn đội ngũ trợ giúp viên pháp lý như luật sư, bổ sung tiêu chuẩn phải trải qua thời gian tập sự<sup>‡‡</sup>.

*- Đại diện của tổ chức đại diện tập thể lao động*

Trong mối quan hệ với người sử dụng lao động, người lao động luôn ở vị thế yếu hơn, bị phụ thuộc và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động. Xuất phát từ thực tế đó, để thiết lập quan hệ lao động bình đẳng hơn, pháp luật đã có những quy định nhằm bảo vệ người lao động. Một trong những minh chứng cho điều này là điểm c khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 75 đã quy định về sự tham gia tố tụng của đại diện của tổ chức đại diện tập thể lao động với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong vụ việc lao động.

†† Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

‡‡ Khoản 3 Điều 19 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017.

Theo khoản 3 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 thì tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở là tổ chức được thành lập hợp pháp, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động trong quan hệ lao động. Với những tranh chấp, yêu cầu lao động được quy định tại Điều 32, Điều 33 BLTTDS năm 2015, tổ chức đại diện tập thể lao động sẽ là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động tham gia tố tụng dân sự.

- *Công dân Việt Nam*

Ngoài các chủ thể nêu trên, bất kỳ công dân Việt Nam nào đáp ứng các điều kiện tại điểm d khoản 2 và điểm d khoản 4 Điều 75 BLTTDS năm 2015 như có năng lực hành vi đầy đủ; không có án tích hoặc đã được xóa án tích; không thuộc các trường hợp đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan tòa án, viện kiểm sát, và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành công an đều có thể là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nếu được đương sự yêu cầu. Những quy định này cho thấy để đảm bảo sự đúng đắn, khách quan trong việc tham gia tố tụng, BLTTDS đã hạn chế được một số trường hợp là công dân Việt Nam nhưng không được tham gia tố tụng dân sự với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy nhiên quy định này vẫn chưa bao quát hết các trường hợp, ví dụ người đang bị khởi tố có được làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự không? Hoặc đang tham gia tố tụng thì người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự bị khởi tố thì có tiếp tục để họ tham gia tố tụng không? Nếu không thì cơ sở pháp lý để chấm dứt tư cách tố tụng của họ là như

thế nào? Hiện BLTTDS năm 2015 chưa có quy định về những trường hợp này, BLTTDS mới chỉ có quy định về thủ tục đăng ký tư cách của người bảo vệ, theo đó tư cách tham gia tố tụng của họ phát sinh khi đã được tòa án đăng ký, vậy tư cách của họ chấm dứt khi nào, thủ tục để chấm dứt tư cách của họ ra sao chưa được quy định. Ngoài ra, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 75 về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan tòa án, Viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành công an thì chỉ người đang công tác hay cả những người dạtừ công tác trong các cơ quan đó? Hơn nữa quy định này cũng chưa bao quát hết các chủ thể có thể ảnh hưởng tới tính khách quan của việc giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án như người đang công táctại cơ quan thi hành án, cán bộ tại các cấp ủy ban nhân dân, các sở, ngành...

**\* *Quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự***

- *Quyền của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 75 BLTTDS năm 2015, một người có thể bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nhiều đương sự trong một vụ án nếu quyền, lợi ích của các đương sự đó không đối lập với nhau hay ngược lại nhiều người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp có thể cùng bảo vệ cho một đương sự trong vụ việc dân sự. Ngoài ra họ có các quyền cơ bản sau:

+ Quyền tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc tại bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng dân sự được bắt đầu từ khi có đơn

khởi kiện đến tòa án và được tòa án thụ lý. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền tham gia tố tụng ngay từ thời điểm bắt đầu quy trình tố tụng. Việc pháp luật ghi nhận họ được quyền tham gia từ thời điểm bắt đầu này có ý nghĩa rất quan trọng bởi quy định này sẽ giúp đương sự có được sự tư vấn, giúp đỡ sớm nhất, suốt cả quá trình tố tụng dân sự từ người bảo vệ.

+ Quyền thu thập, cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án, nghiên cứu hồ sơ vụ án, được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án. Chứng cứ là phương tiện tìm ra chân lý<sup>§§</sup> nên việc tìm, thu thập, cung cấp chứng cứ cho tòa án để từ đó tòa án đồng ý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là mục tiêu cao nhất của người bảo vệ. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền tự mình thu thập, chứng cứ tài liệu để cung cấp cho tòa án. Chứng cứ mà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự cần tìm có thể chưa có trong hồ sơ vụ việc dân sự nhưng cũng có thể có trong hồ sơ vụ việc do các chủ thể tham gia tố tụng cung cấp cho tòa án nên một trong những quyền của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là quyền được nghiên cứu hồ sơ, ghi chép, sao chụp tài liệu có trong hồ sơ. Với quyền này, người bảo vệ sẽ có điều kiện thuận lợi trong việc xác định sự thật khách quan của vụ việc dân sự, từ đó có cơ sở pháp lý vững chắc thuyết phục tòa án giải quyết vụ việc theo hướng của người bảo vệ.

+ Quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa dân sự. Vì chứng cứ là quan trọng nhất đối với việc giải quyết vụ án nên trong tất cả những phiên công khai có liên quan đến chứng cứ cần thiết phải có sự tham gia của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Xuất phát từ cơ sở này, Điều 76 BLTTDS năm 2015 đã ghi nhận một trong các quyền của người bảo vệ là quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa dân sự. Với quyền này, người bảo vệ sẽ có cơ hội thuận lợi để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự của mình. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng cho thấy quy định về quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo khoản 1 Điều 227 hay khoản

2 Điều 296 BLTTDS năm 2015 chưa thực sự hợp lý khi tòa án triệu tập họp lần thứ nhất mà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quy định này còn khiên cưỡng, chưa thực sự hợp lý bởi người bảo vệ này tham gia tố tụng là theo ý chí của đương sự nên đương sự có thể thay đổi quyền này bất cứ lúc nào. Nếu tại phiên tòa mà đương sự vẫn yêu cầu tòa án xét xử mặc dù người bảo vệ cho họ vắng mặt, tức là họ đề nghị họ sẽ tự mình bảo vệ quyền, lợi ích của mình thì thiết nghĩ phiên tòa vẫn nên được tiếp tục chứ không nên bắt buộc phải hoãn như quy định hiện nay.

---

§§ Nguyễn Thị Hoài Phương (2015), Bình luận những điểm mới trong BLTTDS năm 2015, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, trang 41.



Một vướng mắc nữa về quyền tham gia phiên tòa của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là hiện BLTTDS năm 2015 mới quy định cụ thể quyền này ở thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, còn ở các thủ tục khác như thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì chưa được quy định cụ thể. Thực tiễn cho thấy nhiều trường hợp sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đương sự mới mời người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, vậy người này có được tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự không khi họ chưa tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm nên chưa nắm chắc hồ sơ vụ án, trong khi việc tiếp cận hồ sơ ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm là rất khó khăn. BLTTDS năm 2015 hiện mới chỉ quy định một cách khá chung chung tại Điều 338 là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự được tòa án triệu tập khi xét thấy cần thiết. Thiết nghĩ, trong thời gian tới, để rõ hơn về quyền tham gia phiên tòa tại các thủ tục tố tụng đặc biệt như thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì cần có quy định bổ sung về vấn đề này.

+ Quyền thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác. Để việc giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án được khách quan, tất cả các hoạt động của các chủ thể có mặt tại phiên tòa (đặc biệt là người tiến hành tố tụng) cũng phải đảm bảo khách quan. Vì thế, nếu nhận thấy người tiến hành tố tụng có dấu hiệu không khách quan thì người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thay đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng dân sự. Đây là quyền duy nhất mà người bảo vệ được thay mặt đương sự. Tuy nhiên khi đưa ra yêu cầu thay đổi này, người bảo vệ phải

đưa ra được căn cứ thay đổi người tiến hành tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 52, 53 BLTTDS năm 2015.

- Nghĩa vụ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự

Theo Điều 76 BLTTDS năm 2015 người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có nghĩa vụ sau:

- Giúp đương sự về mặt pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có nghĩa vụ này do họ đã đồng ý với yêu cầu của đương sự về việc bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự. Việc đương sự yêu cầu, người được yêu cầu đồng ý với yêu cầu được xem như một giao dịch dân sự thể hiện rõ ý chí của các bên, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên với nhau. Để thực hiện nghĩa vụ, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự phải tìm cách thức, căn cứ pháp lý phù hợp và họ phải có ý thức tuân thủ pháp luật, dùng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích của đương sự. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định này cho thấy việc họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự rất giống với người đại diện, vậy liệu họ có đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đương sự được không? Có ý kiến đồng ý nhưng cũng có ý kiến không đồng ý. Để có câu trả lời về vấn đề này thì BLTTDS cần phải có quy định cụ thể.

- Nghĩa vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có nghĩa vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng không có nghĩa là họ được phép đặt quyền, lợi ích của đương sự mà họ bảo vệ lên cao nhất. Quyền, lợi ích của một chủ thể bao giờ cũng phải đặt trong sự hài hòa, tổng thể với quyền, lợi ích của các chủ thể khác, đặc biệt là nhà nước nên ngoài nghĩa vụ bảo vệ đương sự họ còn có nghĩa vụ bảo vệ nhà nước, bảo vệ công lý.

#### **4.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự**

Không thể phủ nhận một thực tế là trong thời gian qua người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự với các hoạt động của mình đã bảo vệ được khá tốt quyền, lợi ích hợp pháp của nhiều đương sự trong vụ việc dân sự tại tòa án nhân dân. Với lực lượng đông đảo luật sư hiện nay (tính đến hết năm 2020 có 15.107 thành viên<sup>¶¶</sup>), với số vụ việc trợ giúp pháp lý ngày càng tăng (năm 2021 tổng số vụ việc tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý là 14.780 vụ việc<sup>\*\*\*</sup>)... đã cho thấy sự cố gắng đáng được ghi nhận của đội ngũ những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy nhiên, trước nhu cầu ngày càng tăng nhanh của người dân, hoạt động của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự cần phải tăng cường hơn, chú trọng hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Muốn vậy, việc đầu tiên là phải hoàn thiện hệ thống

các quy định của pháp luật về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả kiến nghị cần hoàn thiện các vấn đề sau:

- Thứ nhất, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 75 về phạm vi là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Mặc dù so với trước, BLTTDS năm 2015 đã mở rộng phạm vi người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, tạo thuận lợi hơn cho đương sự có người bảo vệ quyền, lợi ích, tuy nhiên để sự tham gia của người bảo vệ này được khách quan hơn thì cần bổ sung một số quy định sau:

+ Bổ sung quy định hạn chế một số chủ thể không tham gia tố tụng dân sự với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự như chấp hành viên của cơ quan thi hành án dân sự, cán bộ, công chức của ủy ban nhân dân, của cơ quan nhà nước, đặc biệt là những cán bộ, công chức đang giữ các vị trí quan trọng như giám đốc sở, chủ tịch ủy ban nhân dân...

+ Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về quy định “không phải là cán bộ, công chức đang công tác trong các cơ quan tòa án, viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan đang công tác trong ngành công an” tại điểm d khoản 2 Điều 75 BLTTDS năm 2015. Để vừa đảm bảo tính khách quan, tính dân chủ, văn bản hướng dẫn nên theo hướng trước đó đã từng công tác trong các cơ quan tòa án, viện kiểm sát hay đã từng là công chức,

¶¶ Số liệu công bố tại Hội nghị tổng kết tổ chức, hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Liên đoàn luật sư, tổ chức tại Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2020.

\*\*\* Trợ giúp pháp lý Việt Nam (Bộ Tư pháp) “Ban hành chỉ tiêu vụ việc trợ giúp viên pháp lý năm 2022 - năm 2021 đạt mức cao nhất từ trước tới nay”, số liệu tính đến 31/12/2021.

sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành công an nhưng hiện tại không còn công tác, không còn trong ngành đó nữa thì vẫn có thể làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nếu thời gian họ không còn công tác trong ngành đã từ 3 đến 5 năm.

- Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định về sự có mặt của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa, cụ thể là:

+ Sửa quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015 theo hướng không quy định trong mọi trường hợp tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thì Hội đồng xét xử sơ thẩm phải hoãn phiên tòa. Sẽ là hợp lý hơn nếu quy định này được sửa theo hướng: tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nhưng đương sự đó có yêu cầu tòa án tiếp tục phiên tòa, họ sẽ tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ trước tòa thì phiên tòa không phải hoãn, vẫn tiếp tục phiên tòa.

+ Bổ sung quy định về quyền tham gia tố tụng, đặc biệt là quyền tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Hiện BLTTDS năm 2015 chưa quy định rõ về vấn đề này, vì thế khoản 2 Điều 338 cần quy định rõ theo hướng người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự được triệu tập tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, có như vậy việc xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mới thực sự khách quan, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mới thực sự được bảo vệ đầy đủ.

## V. Kết luận

Quy định của BLTTDS năm 2015 về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự là một vấn đề cần được nghiên cứu một cách khoa học từ phương diện lý luận đến thực tiễn. Việc nâng cao hiệu quả của chủ thể này khi tham gia tố tụng cũng rất cần thiết được nghiên cứu để có giải pháp hợp lý. Qua bài viết này tác giả đã nghiên cứu, đánh giá quy định của BLTTDS năm 2015 về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chủ thể này với mong muốn quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự ngày càng được bảo vệ tốt hơn tại tòa án nhân dân.

### Tài liệu tham khảo:

- [1]. Phan Trung Hoài (2004), Vấn đề hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia.
- [2]. Nguyễn Thị Hoài Phương (2015), Bình luận những điểm mới trong BLTTDS năm 2015, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
- [3]. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
- [4]. Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (phối hợp thực hiện) năm (2015), Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam, (Sách chuyên khảo), Hà Nội.

**Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Luật Hà Nội.**

**Email: thaofuong@yahoo.com**

